

## Dự kiến Ngân sách cho ISG giai đoạn 2003-2005

Đơn vị tính: USD

No	Các khoản mục chi phí	Định mức	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Tổng cộng
<b>1</b>	<b>Văn phòng ISG</b>		<b>113,400</b>	<b>91,900</b>	<b>91,900</b>	<b>297,200</b>
1	<i>Lương (\$/tháng)</i>		21,600	21,600	21,600	64,800
	Quản lý, chuyên trách	1,000	12,000	12,000	12,000	36,000
	Thư ký, chuyên trách	400	4,800	4,800	4,800	14,400
	Kế toán, chuyên trách	400	4,800	4,800	4,800	14,400
2	<i>Đi lại</i>		25,000	25,000	25,000	75,000
	Đi lại trong nước (bao gồm cả chỗ ở và công tác phí)		5,000	5,000	5,000	15,000
	Đi lại nước ngoài (bao gồm cả chỗ ở và công tác phí)		20,000	20,000	20,000	60,000
3	<i>Chi phí văn phòng</i>		6,200	6,200	6,200	18,600
	Thông tin liên lạc và điện nước (\$/tháng)	200	2,400	2,400	2,400	7,200
	Phiên dịch và biên dịch		2,000	2,000	2,000	6,000
	Văn phòng phẩm (\$/tháng)	150	1,800	1,800	1,800	5,400
4	<i>Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu (CSDL)</i>		40,600	31,100	31,100	102,800
	Chuyên gia thông tin, chuyên trách	800	9,600	9,600	9,600	28,800
	Các ấn phẩm (bản tin, đĩa CD, báo cáo, sách...)		10,000	10,000	10,000	30,000
	Duy trì và phát triển trang web		2,000	2,000	2,000	6,000
	Phát triển và cập nhật mạng nội bộ Vụ Hợp tác quốc tế		2,000	2,000	2,000	6,000
	Phát triển và cập nhật bộ CSDL các dự án ODA của Bộ NN&PTNT		1,000	1,000	1,000	3,000
	Phát triển và cập nhật bộ CSDL các dự án FDI của Bộ NN&PTNT		5,000	1,000	1,000	7,000
	Phát triển bộ CSDL về chuyên gia tư vấn		1,000	500	500	2,000
	Thư viện điện tử		10,000	5,000	5,000	20,000
5	<i>Kiểm toán hàng năm</i>		6,000	6,000	6,000	18,000
6	<i>Thiết bị văn phòng</i>		14,000	2,000	2,000	18,000
	Thêm 4 bộ máy tính cho Văn phòng ISG		8,000	0	0	8,000
	Máy photocopy		3,500	0	0	3,500

## Dự kiến Ngân sách cho ISG giai đoạn 2003-2005

	Máy Fax		500	0	0	500
	Phần mềm		2,000	2,000	2,000	6,000
	<b>II Các hoạt động</b>		<b>151,880</b>	<b>131,880</b>	<b>131,880</b>	<b>415,640</b>
1	<i>Hoạt động chung</i>		<i>59,000</i>	<i>59,000</i>	<i>59,000</i>	<i>177,000</i>
	Đào tạo		15,000	15,000	15,000	45,000
	Họp Toàn thể	\$6000x2	12,000	12,000	12,000	36,000
	Đánh giá và lập kế hoạch cho năm tiếp		20,000	20,000	20,000	60,000
	Họp Ban điều hành	\$1000X2	2,000	2,000	2,000	6,000
	Thực địa của các nhà tài trợ	\$5000x2	10,000	10,000	10,000	30,000
2	<i>Các tỉnh</i>		<i>28,880</i>	<i>14,880</i>	<i>14,880</i>	<i>58,640</i>
	Các cuộc họp	\$3000x3	9,000	9,000	9,000	27,000
	Thiết bị (máy tính và modem)	\$2000x7	14,000	0	0	14,000
	Thông tin liên lạc (\$/năm/tỉnh)	\$840x7	5,880	5,880	5,880	17,640
3	<i>Hỗ trợ các TAG</i>		<i>64,000</i>	<i>58,000</i>	<i>58,000</i>	<i>180,000</i>
	Phụ cấp cho 3 chuyên gia kỹ thuật (40% thời gian)	\$300x3x12	10,800	10,800	10,800	32,400
	Báo cáo/đánh giá/xác định các nghiên cứu (chuyên gia)		20,000	20,000	20,000	60,000
	Họp theo chủ đề, hội thảo, ...	\$600x12	7,200	7,200	7,200	21,600
	Đi lại trong nước cho các hoạt động của TAG		20,000	20,000	20,000	60,000
	Thiết bị (máy tính và trang thiết bị)	\$2000x3	6,000	0	0	6,000
	<b>III Chi phí khác 5%</b>		<b>13,264</b>	<b>11,189</b>	<b>11,189</b>	<b>35,642</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>278,544</b>	<b>234,969</b>	<b>234,969</b>	<b>748,482</b>